



Số: 048 /2025/QĐ-AAA/XCG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy tắc Bảo hiểm Tự nguyện xe ô tô 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM AAA

- Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 30/GP/KDBH cấp ngày 28/02/2005 và Giấy phép điều chỉnh 30/GPĐC34/KDBH cấp ngày 19/09/2023 của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA;
- Căn cứ thẩm quyền của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA;
- Xét tình hình kinh doanh của Tổng Công ty;
- Xét đề nghị của Ban Bảo hiểm Xe cơ giới.

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này là **Quy tắc Bảo hiểm Tự nguyện xe ô tô 2025** và **Hướng dẫn Khai thác Nghiệp vụ Bảo hiểm Xe cơ giới** để triển khai thực hiện trong toàn hệ thống Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA.
- Điều 2:** Giao cho Ban Bảo hiểm Xe cơ giới chủ trì và chịu trách nhiệm triển khai, thực hiện Quyết định này trong toàn hệ thống Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA.
- Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các văn bản liên quan được ban hành trước đây (nếu có) không còn hiệu lực.
- Điều 4:** Ban Tổng Giám đốc và các Ban/Bộ phận liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VP-AAA, Ban BH XCG.



Đoàn Trọng Cường



QUY TẮC

BẢO HIỂM TỰ NGUYÊN XE Ô TÔ

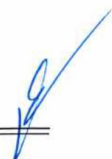
2025



MỤC LỤC

PHẦN I – GIẢI THÍCH TỪ NGỮ	4
PHẦN II - QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Hợp đồng bảo hiểm.....	5
Điều 2. Thời hạn bảo hiểm và quy định về thanh toán phí bảo hiểm	6
Điều 3. Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm	6
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm.....	6
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bảo hiểm AAA	8
Điều 6. Giám định tổn thất	9
Điều 7. Hồ sơ bồi thường.....	10
Điều 8. Bảo hiểm trùng	11
Điều 9. Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện.....	11
Điều 10. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm chung	11
Điều 11: Chuyển quyền chủ sở hữu và chuyển giao hợp đồng bảo hiểm	13
PHẦN III - BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE Ô TÔ.....	13
Điều 12. Phạm vi bảo hiểm	13
Điều 13. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với Bảo hiểm Vật chất xe ô tô	14
Điều 14. Số tiền bảo hiểm.....	15
Điều 15. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm.....	15
Điều 16. Mức khấu trừ.....	16
Điều 17. Giảm trừ tiền bồi thường.....	16
Điều 18: Các điều khoản bảo hiểm bổ sung.....	17
PHẦN IV - BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI, PHỤ XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE.....	21
Điều 19. Đối tượng và Phạm vi bảo hiểm	21
Điều 20. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm.....	21
Điều 21. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với Bảo hiểm Tai nạn Lái, phụ xe và người ngồi trên xe	22
PHẦN V – BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE ĐỐI VỚI HÀNG HÓA	22
Điều 22. Phạm vi bảo hiểm	22
Điều 23. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với Bảo hiểm Trách nhiệm dân sự của Chủ xe đối với hàng hóa	22
Điều 24. Mức khấu trừ.....	23

Điều 25. Giá trị hàng hóa	23
PHẦN VI – BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE Ô TÔ	23
Điều 26. Phạm vi bồi thường thiệt hại	23
Điều 27. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm.....	23
PHỤ LỤC 1	25
BẢNG TỶ LỆ KHẤU HAO BỘ PHẬN.....	25
PHỤ LỤC 2	27
BẢNG TỶ LỆ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM THƯƠNG TẬT.....	27



QUY TẮC BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN XE Ô TÔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 048/2025/QĐ-AAA/XCG ngày 28/11/2025
của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)

PHẦN I – GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau dù xuất hiện bất cứ chỗ nào trong Quy tắc bảo hiểm, điều khoản, sửa đổi bổ sung của Quy tắc bảo hiểm:

1. **Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA (viết tắt là “Bảo hiểm AAA”):** Là người bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm.
2. **Bên mua bảo hiểm:** là tổ chức hoặc cá nhân giao kết Hợp đồng bảo hiểm với Bảo hiểm AAA và đóng phí bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm có thể là Người được bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng.
3. **Người được bảo hiểm:** là tổ chức, cá nhân có tài sản, trách nhiệm dân sự, sức khỏe/tính mạng, nghĩa vụ hoặc lợi ích kinh tế được bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm.
4. **Người thụ hưởng:** là tổ chức, cá nhân được Bên mua được bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm chỉ định để nhận tiền bảo hiểm theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm.
5. **Chủ xe:** là chủ sở hữu xe ô tô hoặc cá nhân, tổ chức được chủ sở hữu xe giao chiếm hữu, sử dụng xe ô tô hợp pháp theo quy định của pháp luật.
6. **Xe ô tô:** là loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ có từ 4 bánh trở lên được phân loại theo Tiêu chuẩn Việt Nam đối với phương tiện giao thông đường bộ. Xe ô tô được phân loại cụ thể tại Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường bộ.
7. **Thiết bị chuyên dùng:** là các thiết bị được lắp trên xe ô tô chuyên dùng hoặc lắp thêm trên xe ô tô khác để thực hiện một chức năng công dụng đặc biệt và được chấp thuận bởi các cơ quan chức năng có thẩm quyền.
8. **Thời gian sử dụng xe:** Là thời gian sử dụng xe từ khi sản xuất đến khi tham gia bảo hiểm, được xác định như sau:
 - Đối với xe sản xuất trong nước và xe nhập khẩu mới 100%: nếu năm đăng ký trên giấy đăng ký xe trùng với năm sản xuất, thời gian sử dụng xe được tính từ tháng trên giấy đăng ký xe đến tháng tham gia bảo hiểm. Nếu năm đăng ký xe khác năm sản xuất thì thời gian sử dụng xe được tính từ tháng 01 của năm sản xuất đến tháng tham gia bảo hiểm hoặc từ tháng xuất hóa đơn mua bán lần đầu đến tháng tham gia bảo hiểm (trong trường hợp khách hàng cung cấp được hóa đơn mua bán lần đầu).
 - Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng thì thời gian sử dụng tính từ tháng một của năm sản xuất đến tháng giao kết Hợp đồng bảo hiểm.
9. **Giá thị trường:** là giá mua bán của chiếc xe cùng chủng loại, cùng năm sản xuất, cùng hãng sản xuất, cùng mẫu xe được chào bán trên thị trường ngay tại thời điểm tham gia bảo hiểm và được Bảo hiểm AAA quyết định/thỏa thuận với Chủ xe khi tham gia bảo hiểm.

10. **Mục đích sử dụng xe:** là việc đưa xe ô tô vào sử dụng kinh doanh hay không kinh doanh vận tải theo quy định pháp luật được xác định tại Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường bộ.
11. **Hợp đồng bảo hiểm (HĐBH):** là sự thỏa thuận giữa Bên mua bảo hiểm/Chủ xe và Bảo hiểm AAA, theo đó Bên mua bảo hiểm/Chủ xe phải đóng phí bảo hiểm, Bảo hiểm AAA phải bồi thường, trả tiền bảo hiểm theo thỏa thuận trong Hợp đồng. Hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản. Bằng chứng giao kết Hợp đồng bảo hiểm là HĐBH/GCNBH hoặc các hình thức khác do pháp luật quy định.
12. **Giấy chứng nhận bảo hiểm (GCNBH):** là bằng chứng giao kết Hợp đồng bảo hiểm. Giấy chứng nhận bảo hiểm là bảng tóm lược các nội dung cơ bản của Hợp đồng bảo hiểm. Giấy chứng nhận bảo hiểm được cấp bằng bản giấy hoặc bằng hình thức điện tử.
13. **Số tiền bảo hiểm:** là số tiền mà Bên mua bảo hiểm yêu cầu Bảo hiểm AAA bảo hiểm và được ghi trên HĐBH/GCNBH.
14. **Phí bảo hiểm:** là khoản tiền mà Bên mua bảo hiểm phải đóng cho Bảo hiểm AAA theo thời hạn và phương thức được thỏa thuận trong HĐBH/GCNBH hoặc theo quy định của pháp luật.
15. **Mức khấu trừ:** là số tiền được quy định trong Quy tắc bảo hiểm/HĐBH/GCNBH mà Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm/Chủ xe phải tự gánh chịu trong mỗi tổn thất. Mức khấu trừ được quy định trên HĐBH/GCNBH sẽ được trừ vào số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm.
16. **Bảo lưu quyền khiếu nại:** Là việc Chủ xe/Lái xe/Người được bảo hiểm không tự ý thỏa thuận bồi thường với bên thứ ba liên quan đến vụ tai nạn khi không có sự chấp thuận của Bảo hiểm AAA.
17. **Chuyển quyền/Thế quyền:** Là việc Người được bảo hiểm chuyển giao cho Bảo hiểm AAA quyền yêu cầu Người thứ ba có hành vi gây thiệt hại chịu trách nhiệm bồi hoàn trong phạm vi số tiền bồi thường bảo hiểm.

PHẦN II - QUY ĐỊNH CHUNG

Trên cơ sở Bên mua bảo hiểm yêu cầu và đã nộp đầy đủ phí bảo hiểm đúng hạn tương ứng theo từng loại hình bảo hiểm tham gia được ghi nhận tại HĐBH/GCNBH, Bảo hiểm AAA nhận bảo hiểm theo các điều kiện, điều khoản quy định trong Quy tắc bảo hiểm này.

Điều 1. Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm là sự thỏa thuận giữa Bên mua bảo hiểm và Bảo hiểm AAA, theo đó Bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm, Bảo hiểm AAA phải bồi thường, trả tiền bảo hiểm theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm.

Bộ Hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản và được cấu thành bởi các tài liệu sau:

- Giấy yêu cầu bảo hiểm;
- Giấy chứng nhận bảo hiểm;
- Hợp đồng bảo hiểm;
- Quy tắc bảo hiểm;

- Các điều khoản bổ sung (nếu có);
- Sửa đổi bổ sung và các thỏa thuận khác (nếu có).

Điều 2. Thời hạn bảo hiểm và quy định về thanh toán phí bảo hiểm

- 2.1 Thời hạn bảo hiểm là khoảng thời gian phát sinh hiệu lực bảo hiểm, trong đó thời điểm bắt đầu và kết thúc thời hạn bảo hiểm được ghi trên HĐBH/GCNBH.
- 2.2 Hợp đồng bảo hiểm chỉ có hiệu lực khi Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm đã thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán được quy định tại HĐBH/GCNBH.

Điều 3. Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

- 3.1 Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động chấm dứt hiệu lực khi Bên mua bảo hiểm không thanh toán đúng hạn và đầy đủ phí bảo hiểm theo quy định tại Hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp này, Hợp đồng bảo hiểm tự động chấm dứt mà Bảo hiểm AAA không phải gửi bất cứ thông báo nào đến Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm về việc chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm này.

Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ số tiền phí bảo hiểm chưa thanh toán tương ứng với thời gian xe đã được bảo hiểm tính đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp Bên mua bảo hiểm thanh toán phí bảo hiểm sau thời điểm Hợp đồng bảo hiểm đã chấm dứt hiệu lực, thời điểm phát sinh hiệu lực bảo hiểm mới căn cứ vào quy định sửa đổi bổ sung Hợp đồng bảo hiểm được Bảo hiểm AAA chấp thuận bằng văn bản.

- 3.2 Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm:

3.2.1 Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm theo quy định pháp luật kinh doanh bảo hiểm bằng cách thông báo bằng văn bản.

3.2.2 Trường hợp Bên mua bảo hiểm yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước hạn phải thông báo bằng văn bản cho Bảo hiểm AAA, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bên mua bảo hiểm, Bảo hiểm AAA hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm tối đa 70% phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm tính từ ngày yêu cầu chấm dứt nhưng không trước ngày Bảo hiểm AAA nhận được văn bản yêu cầu chấm dứt. Bảo hiểm AAA không hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm trước ngày yêu cầu chấm dứt hiệu lực HĐBH/GCNBH.

3.2.3 Trường hợp Bảo hiểm AAA đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm, Bảo hiểm AAA phải thông báo bằng văn bản cho Bên mua bảo hiểm trước 15 ngày kể từ ngày dự kiến chấm dứt. Bảo hiểm AAA phải hoàn lại tối đa 100% phí bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của HĐBH/GCNBH.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm

- 4.1 Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm có quyền:

4.1.1 Yêu cầu Bảo hiểm AAA cung cấp bản yêu cầu bảo hiểm, bảng câu hỏi liên quan đến rủi ro được bảo hiểm, đối tượng bảo hiểm, quy tắc, điều kiện, điều khoản bảo hiểm và giải

- 4.1.1 Yêu cầu Bảo hiểm AAA cung cấp bản yêu cầu bảo hiểm, bảng câu hỏi liên quan đến rủi ro được bảo hiểm, đối tượng bảo hiểm, quy tắc, điều kiện, điều khoản bảo hiểm và giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm, cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm.
- 4.1.2 Yêu cầu Bảo hiểm AAA trả tiền bảo hiểm cho Người được bảo hiểm hoặc chi trả cho Người thụ hưởng hợp pháp theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.
- 4.1.3 Chuyển giao Hợp đồng bảo hiểm theo quy định của pháp luật.
- 4.1.4 Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
- 4.2 Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm có nghĩa vụ:
 - 4.2.1 Đọc và hiểu rõ Quy tắc bảo hiểm, điều khoản, điều kiện bảo hiểm, quyền, nghĩa vụ của mình và nội dung khác khi tham gia bảo hiểm. Thông tin được đăng tải trên website www.aaa.com.vn hoặc yêu cầu Bảo hiểm AAA cung cấp.
 - 4.2.2 Đóng phí bảo hiểm đầy đủ và đúng thời hạn thanh toán phí đã thỏa thuận trong HĐBH/GCNBH.
 - 4.2.3 Phải kê khai đầy đủ, trung thực những thông tin liên quan đến Giấy yêu cầu bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm.
 - 4.2.4 Cung cấp thông tin và tạo điều kiện thuận lợi để Bảo hiểm AAA xem xét tình trạng xe trước khi cấp HĐBH/GCNBH.
 - 4.2.5 Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
 - 4.2.6 Khi xảy ra tổn thất, Chủ xe/Lái xe hoặc người có liên quan phải có trách nhiệm:
 - a. Thông báo ngay cho Bảo hiểm AAA theo số hotline được thể hiện trên HĐBH/GCNBH để phối hợp giải quyết; đồng thời thông báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (trừ trường hợp bất khả kháng);
 - b. Chủ xe/Lái xe hoặc người có liên quan phải bảo vệ hiện trường và áp dụng các biện pháp nhằm hạn chế thiệt hại về người và tài sản;
 - c. Không được tự ý tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của Bảo hiểm AAA, trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;
 - d. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng), Chủ xe phải thông báo tổn thất bằng văn bản hoặc thông qua hình thức điện tử cho Bảo hiểm AAA.
 - 4.2.7 Chủ xe phải trung thực trong việc thu thập, cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho Bảo hiểm AAA trong quá trình xác minh tính trung thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.
 - 4.2.8 Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba, trước khi thỏa thuận bồi thường với Người thứ ba, Chủ xe phải thực hiện đúng theo các hướng dẫn của Bảo hiểm AAA để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho

Bảo hiểm AAA kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với Bảo hiểm AAA để truy đòi Người thứ ba trong phạm vi số tiền Bảo hiểm AAA bồi thường.

- 4.2.9 Đối với các thiệt hại dẫn đến hình thức bồi thường được Bảo hiểm AAA chấp thuận là thay thế, Chủ xe/Lái xe hoặc người liên quan sau khi thực hiện xong công việc thay thế phải có trách nhiệm bàn giao tài sản bị thiệt hại đã được thay thế cho Bảo hiểm AAA.
- 4.2.10 Khi xe cơ giới bị mất trộm, bị cướp toàn bộ, Chủ xe phải thông báo ngay cho cơ quan Công an và Bảo hiểm AAA được biết để xử lý và thực hiện các công việc theo hướng dẫn của cơ quan Công an và Bảo hiểm AAA.
- 4.2.11 Trong thời gian tham gia bảo hiểm, trường hợp thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm (thay đổi mục đích sử dụng, kết cấu xe,...), Người được bảo hiểm phải thông báo cho Bảo hiểm AAA trước khi có sự thay đổi và được Bảo hiểm AAA chấp nhận bằng văn bản.
- 4.2.12 Chủ xe/Lái xe và người có liên quan có nghĩa vụ tham gia, chứng kiến việc giám định và ký xác nhận vào biên bản giám định.
- 4.2.13 Phối hợp, hợp tác với Bảo hiểm AAA trong quá trình giám định/xác minh hiện trường. Ký và/hoặc có ý kiến trong biên bản hiện trường do Bảo hiểm AAA lập trong mọi trường hợp (trường hợp không đồng ý nội dung biên bản có thể ghi rõ ý kiến không đồng ý nội dung gì và ký tên dưới ý kiến). Các trường hợp được coi là không phối hợp, hợp tác:
- a. Người được bảo hiểm/Chủ xe/Lái xe không ký biên bản giám định/xác minh hiện trường do Bảo hiểm AAA lập với mục đích xác định phạm vi và trách nhiệm bảo hiểm;
 - b. Người được bảo hiểm/Chủ xe/Lái xe không cung cấp thông tin, tài liệu và/hoặc không thực hiện công việc cần thiết theo yêu cầu của Bảo hiểm AAA với mục đích xác định phạm vi và trách nhiệm trong vụ tai nạn;
 - c. Lái xe không thực hiện yêu cầu xét nghiệm nồng độ cồn hoặc chất kích thích bị cấm khác đối với Lái xe tại cơ quan y tế/chức năng theo yêu cầu của Bảo hiểm AAA.

4.2.14 Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Nếu Người được bảo hiểm hoặc Chủ xe/Lái xe không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Mục 4.2 - Điều 4 của Quy tắc này, Bảo hiểm AAA có thể giảm trừ một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bảo hiểm AAA

5.1 Bảo hiểm AAA có quyền:

- 5.1.1 Thu phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm.
- 5.1.2 Kiểm tra, đánh giá tình trạng xe, yêu cầu Bên mua bảo hiểm cung cấp đầy đủ, trung thực mọi thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện Hợp đồng bảo hiểm.
- 5.1.3 Từ chối trả tiền bồi thường cho Người được bảo hiểm/Người thụ hưởng trong trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm/Quy tắc bảo hiểm.

- 5.1.4 Yêu cầu Người được bảo hiểm áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất.
- 5.1.5 Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
- 5.2 Bảo hiểm AAA có nghĩa vụ:
- 5.2.1 Cung cấp và giải thích rõ ràng, đầy đủ cho Chủ xe/Bên mua bảo hiểm về biểu mẫu, quy tắc, điều khoản, loại trừ bảo hiểm, biểu phí bảo hiểm; quyền lợi bảo hiểm và trách nhiệm của Chủ xe/Bên mua bảo hiểm khi tham gia bảo hiểm.
- 5.2.2 Cấp cho Chủ xe/Bên mua bảo hiểm Giấy chứng nhận bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm sau khi giao kết Hợp đồng bảo hiểm.
- 5.2.3 Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ về yêu cầu bồi thường từ Người được bảo hiểm theo nội dung tại Điều 7 của Quy tắc này, trừ các trường hợp Bảo hiểm AAA phải xác minh.
- 5.2.4 Trường hợp từ chối bồi thường, Bảo hiểm AAA phải giải thích bằng văn bản lý do từ chối bồi thường.
- 5.2.5 Bảo hiểm AAA có trách nhiệm hướng dẫn Chủ xe/Lái xe hoặc người có liên quan thu thập tài liệu để lập hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 7 Quy tắc này.
- 5.2.6 Bảo mật thông tin do Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm cung cấp, trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm.
- 5.2.7 Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Giám định tổn thất

- 6.1 Khi xảy ra tổn thất, Bảo hiểm AAA hoặc người được Bảo hiểm AAA ủy quyền sẽ tiến hành giám định các tổn thất về tài sản với sự có mặt của Chủ xe/Lái xe, các bên có liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của các bên có liên quan nhằm xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký của các bên liên quan. Bảo hiểm AAA chịu trách nhiệm về chi phí giám định.
- 6.2 Trường hợp Chủ xe/Lái xe không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại do Bảo hiểm AAA xác định, hai bên thỏa thuận chọn cơ quan giám định độc lập thực hiện việc giám định. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được việc trưng cầu giám định độc lập thì một trong các bên được quyền yêu cầu Tòa án nơi xảy ra tổn thất hoặc Trọng tài trưng cầu giám định viên độc lập. Kết luận bằng văn bản của giám định độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên.
- 6.3 Trường hợp kết luận của giám định độc lập khác với kết luận giám định của Bảo hiểm AAA, chi phí giám định độc lập do Bảo hiểm AAA chi trả. Trường hợp kết luận của giám định độc lập tương tự với kết luận giám định của Bảo hiểm AAA, Chủ xe/Lái xe trả chi phí giám định độc lập này.
- 6.4 Trong trường hợp đặc biệt, Bảo hiểm AAA không thể thực hiện được việc giám định thì Bảo hiểm AAA có trách nhiệm hướng dẫn Chủ xe/Lái xe thu thập đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến, mức độ thiệt hại cùng các chứng từ, ảnh chụp thiệt hại và tài liệu liên quan để làm căn cứ xác định bồi thường.

Điều 7. Hồ sơ bồi thường

Đối với từng vụ việc cụ thể thì Hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

7.1 Tài liệu do Chủ xe cung cấp:

- 7.1.1 Thông báo tổn thất và yêu cầu bồi thường của Chủ xe (theo mẫu của Bảo hiểm AAA).
 - 7.1.2 Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có).
 - 7.1.3 Bản chính tài liệu liên quan đến xe, Người lái xe như sau:
 - Giấy đăng ký xe hoặc giấy tờ tương đương, Giấy phép lái xe hợp lệ còn hiệu lực của Người lái xe tại thời điểm bị tổn thất;
 - Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, uỷ quyền sử dụng xe (nếu có);
 - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ có hiệu lực tại thời điểm xảy ra tổn thất (trừ trường hợp xe lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền).
- Đối với các chứng từ gốc được quy định trên đây, Bảo hiểm AAA sẽ sao chụp từ các chứng từ gốc (theo quy định nội bộ của Bảo hiểm AAA) hoặc sử dụng bản sao y có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.
- 7.1.4 Tài liệu chứng minh thiệt hại về tài sản, bao gồm:
 - Hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại;
 - Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà Chủ xe đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của Bảo hiểm AAA.
 - 7.1.5 Tài liệu chứng minh thiệt hại về người: Các chứng từ thanh toán điều trị, Giấy ra viện, Bệnh án, Giấy chứng nhận tỷ lệ thương tật, Giấy chứng tử (trường hợp tử vong), các giấy tờ khác có liên quan chứng minh thiệt hại về người theo quy định.
 - 7.1.6 Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án (nếu có).
 - 7.1.7 Giấy chuyển thế quyền cho Bảo hiểm AAA đòi bồi thường từ bên thứ ba gây thiệt hại cho xe được bảo hiểm theo luật định và các giấy tờ liên quan.

7.2 Tài liệu do Bảo hiểm AAA phối hợp với Chủ xe để thu thập:

- 7.2.1 Bản sao có xác nhận của cơ quan Công an trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan Công an, bao gồm:
 - Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn (nếu có);
 - Sơ đồ hiện trường tai nạn, bản ảnh (nếu có);
 - Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn (nếu có);
 - Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có);
 - Biên bản giải quyết tai nạn (nếu có); Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có);
 - Biên bản thỏa thuận/hòa giải (nếu có).

- 7.2.2 Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba (trường hợp thiệt hại xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba):
- Tài liệu liên quan đến lỗi của Người thứ ba;
 - Tài liệu liên quan đến việc thế quyền của Người được bảo hiểm
- 7.2.3 Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba (nếu có).
- 7.3 Trường hợp xe bị mất trộm, mất cướp toàn bộ, tài liệu chứng minh gồm:
- 7.3.1 Đơn trình báo mất trộm, mất cướp với cơ quan Công an có xác nhận của cơ quan Công an.
- 7.3.2 Quyết định khởi tố và điều tra hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm (nếu có).
- 7.3.3 Quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ khởi tố vụ án hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm (nếu có).
- 7.3.4 Khai báo bị mất giấy tờ, tài liệu liên quan đến xe bị mất cắp, mất cướp khi để trên xe có xác nhận của cơ quan Công an.
- 7.4 Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Điều 8. Bảo hiểm trùng

- 8.1 Hợp đồng bảo hiểm trùng là trường hợp có từ hai hợp đồng bảo hiểm trở lên để bảo hiểm cho cùng phạm vi, đối tượng, thời hạn và sự kiện bảo hiểm mà tổng số tiền bảo hiểm vượt quá giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm.
- 8.2 Trường hợp các bên giao kết hợp đồng bảo hiểm trùng, khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, số tiền bồi thường của mỗi hợp đồng bảo hiểm được tính tương ứng theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các hợp đồng mà Bên mua bảo hiểm đã giao kết. Tổng số tiền bồi thường của các hợp đồng bảo hiểm không vượt quá giá trị thiệt hại thực tế của tài sản.
- 8.3 Không áp dụng bảo hiểm trùng đối với bảo hiểm Tai nạn Lái, Phụ xe và Người ngồi trên xe ô tô.

Điều 9. Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

- 9.1 Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm.
- 9.2 Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của Bảo hiểm AAA là 30 ngày (trừ trường hợp bất khả kháng) kể từ ngày Chủ xe nhận được thông báo bồi thường của Bảo hiểm AAA. Quá thời hạn nêu trên, Bảo hiểm AAA sẽ không giải quyết khiếu nại.
- 9.3 Thời hiệu khởi kiện căn cứ vào Bộ luật Dân sự hiện hành quy định về thời hiệu khởi kiện.
- 9.4 Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm, nếu Bảo hiểm AAA và Chủ xe không giải quyết được bằng thương lượng sẽ được đưa ra Tòa án tại Việt Nam giải quyết.

Điều 10. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm chung

Bảo hiểm AAA không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp sau:

- 10.1 Hành động cố ý gây thiệt hại của Chủ xe/Người được bảo hiểm, Người lái xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng xe.
- 10.2 Tại thời điểm xảy ra tổn thất/thiệt hại, xe đang tham gia giao thông/đang hoạt động nhưng không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (đăng kiểm) hợp lệ theo quy định của pháp luật hiện hành (trừ trường hợp Bên mua bảo hiểm có tham gia bảo hiểm điều khoản bảo hiểm bổ sung và đóng phí bảo hiểm bổ sung).
- 10.3 Tại thời điểm xảy ra tổn thất/thiệt hại khi xe đang tham gia giao thông/xe đang hoạt động, Người lái xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe hết hạn hoặc không phù hợp đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe hoặc không có bằng/chứng chỉ nghề khi điều khiển, vận hành thiết bị chuyên dùng phù hợp theo quy định; Người điều khiển xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc bị thu hồi Giấy phép lái xe thì được coi là không có Giấy phép lái xe. Người điều khiển xe cũng bị xác định là không có Giấy phép lái xe nếu:
- Bị tạm giữ Giấy phép lái xe theo Biên bản vi phạm hành chính; và
 - Không chấp hành việc nộp phạt sau khi hết thời hạn nộp phạt; và
 - Tham gia giao thông khi chưa thực hiện việc nộp phạt theo lịch hẹn được ghi trên Biên bản vi phạm hành chính tại thời điểm vi phạm.
- Trường hợp đối với xe tập lái không tuân thủ theo quy định của pháp luật về xe tập lái:
- Học viên không có trong danh sách; không có thẻ học viên, giấy phép tập lái xe và các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật;
 - Xe ô tô được sử dụng tập lái không có biển “tập lái” theo quy định, không có bộ phận phanh (hãm) phụ theo quy định;
 - Xe ô tô được sử dụng tập lái chạy sai thời gian, tuyến đường theo quy định của Đơn vị đào tạo lái xe;
 - Xe ô tô được sử dụng tập lái không có giáo viên thực hành ngồi bên cạnh học viên (trừ trường hợp xe đang trong quá trình thi sát hạch).
- 10.4 Tại thời điểm xảy ra tổn thất khi xe đang hoạt động, Người điều khiển xe trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc khí thở vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở (tương đương 10,9 mmol/L), hoặc sử dụng ma túy hoặc chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.
- 10.5 Lái xe điều khiển xe đi vào đường có gắn biển cấm/khu vực cấm hoặc biển cấm/khu vực cấm đối với loại phương tiện đang điều khiển, lùi xe tại các nơi cấm lùi, rẽ hoặc quay đầu tại nơi bị cấm, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng theo quy định của pháp luật.
- 10.6 Xe xảy ra thiệt hại khi dừng, đỗ tại khu vực cấm dừng, cấm đỗ theo quy định của pháp luật (do mọi nguyên nhân).
- 10.7 Đua xe (hợp pháp hoặc trái phép).

- 10.8 Xe dùng để kéo/đẩy phương tiện khác hoặc được kéo/đẩy bởi phương tiện khác không tuân thủ quy định của pháp luật; Xe được dùng làm phương tiện trong các hoạt động trộm/cướp; Xe vận chuyển hàng hóa trái phép theo quy định của pháp luật.
- 10.9 Tồn thất xảy ra trong những trường hợp: Chiến tranh, khủng bố, nội chiến, bạo động, đình công hoặc xe bị trưng thu, trưng dụng.
- 10.10 Xe vận chuyển hàng hóa không thực hiện đầy đủ các quy định về chằng buộc an toàn và xếp dỡ hàng hóa (bao gồm các trường hợp xe bị chính hàng hóa trên xe xô lệch, đứt giây chằng và đập trong quá trình vận chuyển mà không phải do đâm va, lật, đổ do tai nạn).
- 10.11 Tồn thất xảy ra ngoài lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam (trừ trường hợp Bên mua bảo hiểm có tham gia bảo hiểm điều khoản bảo hiểm bổ sung và đóng phí bảo hiểm bổ sung đầy đủ).
- 10.12 Xe chở/kéo/cầu quá 50% trọng tải được phép chở (đối với xe chở hàng), quá 50% số người được phép chở (đối với xe chở người, không bao gồm trẻ em dưới 07 tuổi) theo quy định cho phép trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
- 10.13 Xe chạy vượt quá 50% tốc độ cho phép trở lên theo quy định của pháp luật.
- 10.14 Thiệt hại đối với tài sản đặc biệt bao gồm: Vàng bạc, đá quý, tiền, các loại giấy tờ có giá trị, đồ cổ, tranh ảnh, thi hài, hài cốt.
- 10.15 Các thiệt hại có tính chất hậu quả gián tiếp như giảm giá trị thương mại, ngừng sản xuất, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác xe.

Điều 11: Chuyển quyền chủ sở hữu và chuyển giao hợp đồng bảo hiểm

- 11.1 Trường hợp chuyển quyền sở hữu xe kèm theo chuyển giao hợp đồng bảo hiểm: Chủ xe mới có trách nhiệm thông báo bằng văn bản (kèm theo các tài liệu chứng minh quyền sở hữu xe) cho Bảo hiểm AAA trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất thủ tục sang tên (ngày lập giấy hẹn đăng ký xe) theo quy định pháp luật để Bảo hiểm AAA cấp đổi GCNBH/Phụ lục hợp đồng (SDBS) đảm bảo quyền lợi bảo hiểm.
- 11.2 Trường hợp chuyển quyền sở hữu không kèm theo chuyển giao hợp đồng bảo hiểm: Chủ xe cũ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Bảo hiểm AAA đồng thời hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động chấm dứt hiệu lực từ thời điểm xe được chuyển quyền sở hữu (là ngày lập giấy hẹn đăng ký xe cho Chủ xe mới). Bảo hiểm AAA sẽ hoàn lại phí cho Chủ xe cũ theo quy định tại Điều 3 Quy tắc này, thời gian làm căn cứ tính phí hoàn lại được xác định thời điểm Bảo hiểm AAA nhận được yêu cầu hoàn phí bảo hiểm bằng văn bản.

PHẦN III - BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE Ô TÔ

Điều 12. Phạm vi bảo hiểm

- 12.1 Bảo hiểm AAA sẽ bồi thường cho Chủ xe những thiệt hại vật chất do thiên tai, tai nạn bất ngờ, không lường trước được trong những trường hợp sau:
- 12.1.1 Đâm, va (bao gồm cả vật thể khác ngoài xe cơ giới va chạm vào), lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe, bị các vật thể khác rơi vào.

- 12.1.2 Hỏa hoạn, cháy, nổ.
- 12.1.3 Những tai họa bất ngờ, bất khả kháng do thiên nhiên gây ra.
- 12.1.4 Mất toàn bộ xe do trộm, cướp.
- 12.1.5 Hành động phá hoại (không phải do Chủ xe, Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Người lái xe và những người có quyền lợi liên quan đến việc sở hữu, sử dụng xe).
- 12.2 Ngoài ra, Bảo hiểm AAA còn bồi thường cho Chủ xe những chi phí cần thiết và hợp lý theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm để thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của Bảo hiểm AAA khi xảy ra tổn thất (thuộc phạm vi bảo hiểm), bao gồm các chi phí:
 - 12.2.1 Chi phí ngăn ngừa hạn chế tổn thất phát sinh thêm.
 - 12.2.2 Chi phí cứu hộ và vận chuyển xe bị thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất tối đa không vượt quá 10% số tiền bảo hiểm.

Điều 13. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với Bảo hiểm Vật chất xe ô tô

Bảo hiểm AAA không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp sau:

- 13.1 Các điểm loại trừ chung tại Điều 10 Phần II của Quy tắc này.
- 13.2 Trường hợp xe ô tô được chở bằng phương tiện vận chuyển khác.
- 13.3 Tổn thất do hao mòn tự nhiên hoặc do bản chất vốn có của xe, hỏng hóc do khuyết tật, ẩn tỳ, hỏng hóc do lỗi kỹ thuật hoặc hỏng hóc thêm do sửa chữa, hỏng hóc trong quá trình sửa chữa (bao gồm cả chạy thử sau sửa chữa).
- 13.4 Tổn thất của động cơ (tất cả các loại động cơ trên xe) khi xe hoạt động trong khu vực/đường đang bị ngập nước (trừ trường hợp xe có tham gia điều khoản bổ sung và đóng phí bổ sung đầy đủ).
- 13.5 Tổn thất đối với sầm lốp, bạt thùng xe, logo biểu tượng, nhãn mác, ốp chụp la-zăng, chìa khóa cơ/chìa khóa điện/điều khiển của xe, lọc gió, lọc khí và các thiết bị thay thế định kỳ tương tự, trừ trường hợp tổn thất xảy ra do cùng một nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một vụ tai nạn.
- 13.6 Mất bộ phận của xe do bị trộm hoặc bị cướp (trừ trường hợp Bên mua bảo hiểm có tham gia điều khoản bổ sung và đóng phí bổ sung đầy đủ hoặc trường hợp xác định được bộ phận bị mất là do cùng một nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một vụ tai nạn).
- 13.7 Mất toàn bộ xe trong trường hợp bị lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe (xe cho thuê hoặc xe cho mượn hoặc siết nợ hoặc tranh chấp).
- 13.8 Thiệt hại xảy ra đối với máy móc/động cơ điện/bộ pin điện động cơ, dụng cụ điện hay các bộ phận của thiết bị điện, thiết bị điện tử mà các thiệt hại đó có nguyên nhân là do chạy quá tải, quá áp lực, đoản mạch, tự đốt nóng, hồ quang điện hay rò điện do bất kỳ nguyên nhân nào không phải do các nguyên nhân thuộc phạm vi bảo hiểm gây ra.
- 13.9 Tổn thất về xe và/hoặc các thiết bị chuyên dùng trên xe do hoạt động (bao gồm hư hỏng, tổn thất cho xe và/hoặc các hệ thống thiết bị chuyên dùng đó như: hệ thống cần bơm; thiết bị bơm;

hệ thống cầu đang dừng, đỗ để thực hiện cầu; hệ thống ben hoặc các thiết bị chuyên dùng khác được lắp trên xe tùy theo mục đích sử dụng) của chính các thiết bị chuyên dùng đó gây ra (trừ trường hợp Bên mua bảo hiểm có tham gia điều khoản bổ sung và đóng phí bổ sung đầy đủ).

- 13.10 Tồn thất các thiết bị/phụ kiện lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất (không bao gồm các thiết bị mang tính chất bảo vệ cho xe) và/hoặc tồn thất về xe ô tô do các thiết bị độ, chế, các phụ kiện lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp gây ra hoặc không tuân thủ quy định của pháp luật.
- 13.11 Tồn thất ô tô điện, xe ô tô lai sạc điện:
- Do bộ pin điện động cơ bị quá tải gây nổ, cháy hoặc xảy ra các phản ứng hóa học khi tiếp xúc với nước;
 - Do sử dụng các thiết bị không đồng bộ, không tương thích theo quy định của nhà sản xuất;
 - Do thao tác của Chủ xe/Lái xe/nhân viên kỹ thuật không tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn của Nhà sản xuất trong quá trình sử dụng, kiểm tra, bảo dưỡng, lắp ráp, thay thế.
- 13.12 Thiệt hại bộ Pin điện động cơ của xe ô tô điện trong mọi trường hợp (trừ trường hợp Bên mua bảo hiểm có tham gia điều khoản bổ sung và đóng phí bổ sung đầy đủ).

Điều 14. Số tiền bảo hiểm

Số tiền bảo hiểm không được vượt quá giá trị xe tại thời điểm tham gia bảo hiểm.

- 14.1 Đối với xe mới (100%): Giá trị của xe là giá bán xe do các hãng sản xuất trong nước công bố tại thị trường Việt Nam, hoặc giá xe nhập khẩu đã bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định của Nhà nước.
- 14.2 Đối với xe ô tô đã qua sử dụng: Giá trị của xe là giá thị trường ngay tại thời điểm tham gia bảo hiểm/giao kết Hợp đồng bảo hiểm hoặc do Bảo hiểm AAA chấp thuận.
- 14.3 Trong mọi trường hợp số tiền bồi thường không vượt quá Số tiền bảo hiểm.

Điều 15. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm

- 15.1 Bồi thường tổn thất bộ phận:

- 15.1.1 Bảo hiểm AAA chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế hợp lý để sửa chữa, thay thế (trường hợp không thể sửa chữa được) bộ phận hoặc trả bằng tiền cho Chủ xe để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí hợp lý để sửa chữa, khắc phục tổn thất có thể phải trả sau khi áp dụng mức khấu trừ (nếu có).
- 15.1.2 Cách xác định số tiền bồi thường:
- a. Trường hợp xe được bảo hiểm bằng giá trị, số tiền bồi thường bằng chi phí hợp lý để phục hồi, sửa chữa xe bị tổn thất và trừ đi số tiền khấu hao theo Phụ lục 1 (trừ trường hợp có thỏa thuận bảo hiểm bổ sung);
 - b. Trường hợp xe được bảo hiểm dưới giá trị, số tiền bồi thường sẽ được tính theo tỷ lệ tương ứng giữa Số tiền bảo hiểm và giá thị trường của xe tại thời điểm giao kết hoặc thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm.

- 15.1.3 Bảo hiểm AAA bồi thường chi phí sơn lại toàn bộ xe nếu trên 50% diện tích sơn của xe bị hư hỏng do tổn thất và theo nguyên tắc tính bồi thường quy định tại **Điều 15 Mục 15.1.2** trong Quy tắc này.
- 15.2 Bồi thường tổn thất toàn bộ:
- 15.2.1 Bảo hiểm AAA bồi thường tổn thất toàn bộ trong trường hợp xe bị thiệt hại trên 70% giá thị trường; hoặc chi phí sửa chữa thiệt hại bằng hoặc trên 70% giá thị trường của xe tại thời điểm xảy ra tổn thất.
- 15.2.2 Bảo hiểm AAA có trách nhiệm bồi thường tổn thất toàn bộ xe bị mất trộm, mất cướp khi có quyết định khởi tố vụ án liên quan đến mất trộm, mất cướp liên quan đến chiếc xe đó.
- 15.2.3 Số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ bằng giá thị trường của xe tại thời điểm xảy ra tổn thất và không vượt quá số tiền ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Hợp đồng bảo hiểm.
- 15.2.4 Số tiền bồi thường không bao gồm các khoản lệ phí đăng ký xe.
- 15.3 Thu hồi tài sản sau bồi thường:
- Khi Bảo hiểm AAA đã bồi thường tổn thất bộ phận hoặc toàn bộ xe thì bộ phận hư hỏng hoặc toàn bộ xe đó thuộc quyền sở hữu của Bảo hiểm AAA, cụ thể:
- 15.3.1 Đối với trường hợp bồi thường thay thế phụ tùng, Bảo hiểm AAA sẽ thu hồi phụ tùng bị hư hỏng;
- 15.3.2 Đối với trường hợp bồi thường tổn thất toàn bộ, sau khi Bảo hiểm AAA đã bồi thường xong thì toàn bộ xe bị tổn thất thuộc sở hữu của Bảo hiểm AAA kèm theo các chứng từ chuyển quyền sở hữu;
- 15.3.3 Đối với trường hợp bồi thường xe bị mất trộm, mất cướp sau đó tìm được xe bị mất trộm, mất cướp thì Bảo hiểm AAA được quyền sở hữu toàn bộ chiếc xe đó.

Điều 16. Mức khấu trừ

Mức khấu trừ được ghi trên HĐBH/GCNBH là khoản tiền mà Người được bảo hiểm phải chịu trong mỗi vụ tổn thất bộ phận của xe tham gia bảo hiểm vật chất xe tại Bảo hiểm AAA.

Điều 17. Giảm trừ tiền bồi thường

- 17.1 Bảo hiểm AAA được quyền giảm trừ bồi thường trong các trường hợp sau đây:
- 17.1.1 Giảm trừ tối thiểu 10% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:
- Chủ xe/Lái xe hoặc người có liên quan không thực hiện thông báo tai nạn cho Bảo hiểm AAA theo quy định tại **Điều 4 Mục 4.2.6 Điểm a và d** trong Quy tắc này;
 - Lái xe đỗ trên địa hình dốc nhưng không sử dụng các biện pháp cần thiết hệ thống phanh, chèn bánh để xe tự trôi gây tổn thất;
 - Lái xe vượt quá tốc độ cho phép đến 20%.
- 17.1.2 Giảm trừ tối thiểu 30% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

- a. Chủ xe/Lái xe tự ý di chuyển xe ra khỏi hiện trường hoặc tự ý tháo dỡ, sửa chữa xe khi chưa có ý kiến chấp thuận của Bảo hiểm AAA (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền);
- b. Chủ xe/Lái xe hoặc người có liên quan cung cấp thông tin không phù hợp/không trung thực về hiện trường tai nạn;
- c. Chở/kéo quá từ 20% đến 50% trọng tải cho phép đối với xe chở hàng/xe đầu kéo theo quy định trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- d. Chở quá từ 20% đến 50% số lượng người cho phép (không bao gồm trẻ em dưới 7 tuổi) theo quy định trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- e. Lái xe vượt quá tốc độ cho phép từ trên 20% đến 50%.

17.1.3 Giảm trừ đến 100% số tiền bồi thường:

- a. Chủ xe/Lái xe không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền/thế quyền đòi Người thứ ba cho Bảo hiểm AAA kèm theo toàn bộ hồ sơ, các tài liệu cần thiết; không hợp tác với Bảo hiểm AAA để đòi lại Người thứ ba hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với bên thứ ba gây thiệt hại cho Bảo hiểm AAA;
- b. Chủ xe/Lái xe và người có quyền lợi liên quan không trung thực trong việc cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến vụ tai nạn; cố tình che giấu và/hoặc làm sai lệch thông tin, tài liệu của vụ tai nạn; không tạo điều kiện cho Bảo hiểm AAA xác minh tính chân thực của tài liệu đó;
- c. Xe có thông số kỹ thuật khác với Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

17.2 Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường:

- a. Khi Chủ xe bị giảm trừ số tiền bồi thường cho các mức vi phạm khác nhau, Bảo hiểm AAA sẽ lựa chọn áp dụng mức tỷ lệ giảm trừ bồi thường cao nhất;
- b. Việc giảm trừ số tiền bồi thường được áp dụng trong cả trường hợp bồi thường tổn thất bộ phận và bồi thường tổn thất toàn bộ.

Điều 18: Các điều khoản bảo hiểm bổ sung

Trên cơ sở Chủ xe yêu cầu và đã đóng thêm phí bảo hiểm theo quy định, Bảo hiểm AAA nhận bảo hiểm bổ sung vào HĐBH/GCNBH các điều khoản bảo hiểm bổ sung riêng biệt sau đây:

18.1 Điều khoản bảo hiểm bổ sung AAA/ĐKBS001: Bảo hiểm thay thế mới

Quyền lợi bảo hiểm:

Bảo hiểm AAA sẽ bồi thường các bộ phận bị hư hỏng cần phải thay thế thuộc phạm vi bảo hiểm mà không trừ phần hao mòn (khấu hao) sử dụng. Ngoại trừ lốp xe và vật tư thay thế định kỳ sẽ được khấu hao theo Phụ lục 1.

18.2 Điều khoản bảo hiểm bổ sung AAA/ĐKBS002: Bảo hiểm lựa chọn cơ sở sửa chữa

Các bên thỏa thuận và đồng ý rằng khi xe được bảo hiểm xảy ra tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm thì:

- Người được bảo hiểm được quyền lựa chọn cơ sở sửa chữa trên lãnh thổ Việt Nam. Điều khoản này không đồng nghĩa với việc Bảo hiểm AAA chấp nhận bất kỳ mức giá nào do Cơ sở sửa chữa đưa ra. Trong mọi trường hợp, chi phí sửa chữa chỉ được Bảo hiểm AAA chấp nhận khi và chỉ khi đó là mức giá hợp lý, phù hợp với tình trạng thực tế của xe tại thời điểm bị tai nạn và phù hợp với giá thị trường tại thời điểm sửa chữa.
- Chi phí sửa chữa sẽ được Bảo hiểm AAA đánh giá trên Cơ sở so sánh chi phí sửa chữa hợp lý của các Cơ sở sửa chữa trên cùng địa bàn có quy mô tương tự.

18.3 Điều khoản bảo hiểm bổ sung AAA/ĐKBS003: Bảo hiểm tổn thất của động cơ khi xe hoạt động trong khu vực bị ngập nước

a. Quyền lợi bảo hiểm:

Bảo hiểm AAA sẽ trả tiền bồi thường, chi phí sửa chữa, thay thế những thiệt hại thực tế của xe do bị nước lọt vào trong động cơ khi xe hoạt động trong vùng bị ngập nước.

b. Loại trừ bảo hiểm:

Trường hợp xe bị ngập nước chết máy hoặc dừng hoạt động mà Người điều khiển xe cố nỗ máy trở lại gây thiệt hại.

c. Mức khấu trừ:

10% số tiền bồi thường/vụ tổn thất và tối thiểu 2.000.000 đồng/vụ, tùy thuộc vào số tiền nào lớn hơn sẽ được lựa chọn.

18.4 Điều khoản bảo hiểm bổ sung AAA/ĐKBS004: Bảo hiểm xe bị mất trộm, cướp bộ phận

a. Quyền lợi bảo hiểm:

- Bảo hiểm AAA sẽ trả tiền bồi thường cho Người được bảo hiểm các chi phí thay thế thực tế các trường hợp mất trộm, cướp bộ phận của xe.
- Điều khoản mở rộng này chấm dứt ngay khi chiếc xe đó bị tổn thất 02 lần/xe/năm do mất trộm, cướp các bộ phận đã được Bảo hiểm AAA bồi thường.

b. Mức khấu trừ: 10% số tiền bồi thường hoặc tối thiểu 1.000.000 đồng/vụ, tùy thuộc số tiền nào lớn hơn sẽ được chọn.

18.5 Điều khoản bảo hiểm bổ sung AAA/ĐKBS005: Bảo hiểm cho pin gắn trên xe ô tô điện (bộ pin điện động cơ)

Trên cơ sở yêu cầu và chấp nhận nộp phụ phí bảo hiểm của Bên mua bảo hiểm, Bảo hiểm AAA đồng ý bảo hiểm theo quy định sửa đổi bổ sung như sau:

a. Quyền lợi bảo hiểm:

- Không áp dụng quy định loại trừ được quy định tại **Điều 13 Khoản 13.12** trong Quy tắc này.
- Bảo hiểm AAA sẽ thanh toán chi phí thực tế, hợp lý để thay thế hoặc sửa chữa đối với pin xe điện gắn trên xe khi xảy ra tổn thất thuộc phạm vi được bảo hiểm (pin xe điện là pin do nhà sản xuất xe phân phối và lắp đặt chính hãng).

- b. Loại trừ bảo hiểm:
- Pin sản xuất, lắp đặt không chính hãng.
 - Pin hỏng, lỗi do nguyên nhân từ nhà sản xuất.
 - Tồn thất do lỗi kỹ thuật, hao mòn tự nhiên hư hỏng do khả năng hấp thụ sạc điện.
- c. Quy định về khấu hao: Theo Phụ lục 01.
- d. Mức khấu trừ: 10% số tiền bảo hiểm, tối thiểu 3.000.000 đồng/vụ.
- 18.6 Điều khoản bảo hiểm bổ sung AAA/DKBS006: Bảo hiểm vật chất xe cơ giới lưu hành tạm thời**
- a. Quyền lợi bảo hiểm:
- Tồn thất về xe cơ giới lưu hành trong thời gian từ xưởng sản xuất, kho hải quan đến nơi giao nhận xe, hoặc từ kho hải quan đến nơi giao nhận xe, hoặc trong thời gian làm thủ tục nộp thuế trước bạ, đăng ký xe, đăng kiểm xe.
 - HĐBH/GCNBH được ghi theo số khung, số máy.
- b. Thời hạn bảo hiểm: Không quá 30 ngày (trừ khi có thoả thuận khác).
- c. Loại trừ bảo hiểm: Xe bị tổn thất do lỗi kỹ thuật.
- 18.7 Điều khoản bảo hiểm bổ sung AAA/DKBS007: Bảo hiểm vật chất đối với xe miễn thuế, tạm nhập, tái xuất**
- a. Quyền lợi bảo hiểm:
- Trường hợp xe bị tổn thất bộ phận: Bảo hiểm AAA bồi thường chi phí thực tế hợp lý để sửa chữa, thay thế (trường hợp không thể sửa chữa được) bộ phận hoặc trả bằng tiền cho Chủ xe để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xe tham gia bảo hiểm đúng giá trị với Số tiền bảo hiểm tương đương với xe cùng loại đã tính các loại thuế.
 - Trường hợp xe bị tổn thất toàn bộ hay toàn bộ ước tính: Bảo hiểm AAA bồi thường cho Chủ xe số tiền bảo hiểm nhưng không vượt quá giá trị xe nhập khẩu chưa tính các loại thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng của chiếc xe đó tại thời điểm xe bị thiệt hại (nếu khi nhập khẩu xe chưa nộp các nghĩa vụ thuế này).
- b. Điều kiện bồi thường: Xe phải được sửa chữa trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.
- 18.8 Điều khoản bảo hiểm bổ sung AAA/DKBS008: Bảo hiểm vật chất xe cơ giới ngoài lãnh thổ Việt Nam**
- a. Quyền lợi bảo hiểm:
- Bảo hiểm AAA nhận bảo hiểm và xem xét bồi thường cho những tổn thất xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam và trong phạm vi các nước Trung Quốc, Lào, Campuchia, Thái Lan và các quốc gia khác nếu được Bảo hiểm AAA chấp thuận.
- b. Loại trừ bảo hiểm:
- Bảo hiểm AAA không bồi thường cho tổn thất mất xe hoặc bộ phận của xe do bị trộm hoặc cướp tại các quốc gia ngoài lãnh thổ Việt Nam.

18.9 Điều khoản bảo hiểm bổ sung AAA/ĐKBS009: Bảo hiểm thuê xe trong thời gian sửa chữa

a. Quyền lợi bảo hiểm:

- Bảo hiểm AAA sẽ thanh toán cho Chủ xe chi phí thuê xe sử dụng trong thời gian sửa chữa do tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm, không tính thời gian xe bị cơ quan chức năng giữ.
- Chi phí thuê xe được thanh toán: Chi phí thuê xe cùng công năng sử dụng, chủng loại tương tự chiếc xe được bảo hiểm của Chủ xe; Bảo hiểm AAA sẽ thanh toán 80% chi phí thuê xe thực tế, không quá 500.000 đồng/ngày.
- Thời gian thanh toán chi phí thuê xe tối đa không quá: 30 ngày/năm bảo hiểm.

b. Mức khấu trừ:

Chi phí thuê xe 4 ngày tính từ ngày đưa xe vào xưởng sửa chữa.

18.10 Điều khoản bảo hiểm bổ sung AAA/ĐKBS010: Bảo hiểm xe tập lái

a. Quyền lợi bảo hiểm: Không áp dụng điều khoản loại trừ chung, **Điều 10.3** – Người điều khiển không có giấy phép lái xe hợp lệ.

b. Loại trừ bảo hiểm:

- Học viên không có trong danh sách; không có thẻ học viên, giấy phép tập lái xe và các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật.
- Xe tập lái chở người, hàng trên xe trái quy định, chạy sai tuyến đường, thời gian quy định trong giấy phép tập lái.
- Xe tập lái không bố trí giáo viên thực hành ngồi ở vị trí quy định (trừ trường hợp xe đang trong quá trình thi sát hạch), xe không có biển “Tập lái” theo quy định, không có hệ thống phanh phụ bố trí bên ghế ngồi của giáo viên dạy thực hành lái xe.

18.11 Điều khoản bảo hiểm bổ sung AAA/ĐKBS011: Bảo hiểm thiết bị chuyên dùng trên xe cơ giới

a. Quyền lợi bảo hiểm:

Các bên thỏa thuận và đồng ý khi xe tham gia bảo hiểm theo điều khoản này, Bảo hiểm AAA sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm những thiệt hại vật chất cho xe ô tô được bảo hiểm (bao gồm cả thiết bị chuyên dùng) xảy ra do những tai nạn bất ngờ không lường trước được trong quá trình vận hành, sử dụng của thiết bị chuyên dùng trên xe ô tô.

b. Loại trừ bảo hiểm:

- Xe cơ giới chuyên dùng không đảm bảo an toàn kỹ thuật theo quy định của pháp luật;
- Người điều khiển thiết bị chuyên dùng không có Giấy phép/chứng chỉ điều khiển thiết bị chuyên dùng hợp lệ theo quy định của pháp luật.
- Người điều khiển thiết bị chuyên dùng cố tình vi phạm các quy định, quy trình vận hành thiết bị chuyên dùng.

c. Mức khấu trừ:

5% số tiền bồi thường/vụ tổn thất hoặc 2.000.000 đồng/vụ tổn thất (tùy theo số tiền nào lớn hơn sẽ được chọn).

18.12 Điều khoản bảo hiểm bổ sung AAA/DKBS012: Bảo hiểm vật chất xe không được cấp Giấy phép lưu thông đường bộ

Quyền lợi bảo hiểm:

Bảo hiểm AAA sẽ bồi thường các tổn thất vật chất xe xảy ra khi xe hoạt động trong phạm vi công trường, nông trường, xí nghiệp, khu công nghiệp, sân bay, nội bộ cảng, kho chứa hàng, vùng khai thác khoáng sản, khu du lịch mà không áp dụng điều khoản loại trừ theo quy định tại **Điều 10 Khoản 10.2** trong Quy tắc này.

18.13 Điều khoản bảo hiểm bổ sung khác:

Ngoài các điều khoản bổ sung nêu trên, các yêu cầu bảo hiểm khác của Chủ xe và Bảo hiểm AAA có thể thỏa thuận bảo hiểm bổ sung bằng văn bản theo các điều khoản bảo hiểm riêng trên cơ sở Chủ xe đóng phí bảo hiểm bổ sung tương ứng và được chấp thuận của Bảo hiểm AAA.

PHẦN IV - BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI, PHỤ XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE

Điều 19. Đối tượng và Phạm vi bảo hiểm

Lái, phụ xe và những người khác được chở trên xe (gọi là Người được bảo hiểm) bị thiệt hại tử vong hay thương tật thân thể do tai nạn khi đang ở trên xe, lên xuống xe trong quá trình xe đang tham gia giao thông.

Điều 20. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm

20.1 Trường hợp Người được bảo hiểm bị tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn thuộc phạm vi và trách nhiệm bảo hiểm, Bảo hiểm AAA sẽ trả toàn bộ số tiền bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.

20.2 Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật tạm thời do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, Bảo hiểm AAA sẽ chi trả tiền bảo hiểm theo quy định sau:

20.2.1 Số tiền bảo hiểm dưới 20.000.000 đồng: Chi trả theo “Bảng Tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật” đính kèm.

20.2.2 Số tiền bảo hiểm từ 20.000.000 đồng trở lên:

a. Đối với những trường hợp Thương tật tạm thời: Chi trả các chi phí thuốc men, nằm viện, phẫu thuật theo chỉ định của bác sĩ điều trị và chi phí nằm viện tương đương 0,1% Số tiền bảo hiểm/ngày nhân với số ngày nằm viện. Tổng số tiền chi trả bảo hiểm không vượt quá mức trả theo tỷ lệ trả tiền bảo hiểm quy định tại “Bảng Tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật” đính kèm;

b. Đối với những trường hợp Thương tật vĩnh viễn: Chi trả theo “Bảng Tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật” đính kèm nhân với Số tiền bảo hiểm.

20.2.3 Trường hợp bị tai nạn thuộc trách nhiệm bảo hiểm, trong vòng 01 năm kể từ ngày xảy ra tai nạn, Chủ xe bị tử vong do hậu quả của tai nạn đó. Bảo hiểm AAA sẽ chi trả phần

chênh lệch giữa Số tiền bảo hiểm được ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm và Số tiền bảo hiểm đã chi trả trước đó.

- 20.3 Trường hợp tại thời điểm xảy ra tai nạn, số người thực tế ngồi trên xe (không bao gồm trẻ em dưới 7 tuổi) lớn hơn số Người được bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm, thì mức trả tiền bảo hiểm cho mỗi người sẽ giảm theo tỷ lệ giữa số Người được bảo hiểm và số người thực tế được chở trên xe.

Đối với trẻ em dưới 7 tuổi được hưởng đầy đủ quyền lợi bảo hiểm như **Điều 20 Khoản 20.2** trong Quy tắc này.

Điều 21. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với Bảo hiểm Tai nạn Lái, phụ xe và người ngồi trên xe

21.1 Các điểm loại trừ chung tại **Điều 10 Phần II** của Quy tắc này.

21.2 Không áp dụng điểm loại trừ 10.2, 10.3, 10.4, 10.5, 10.6 cho người được chở trên xe.

PHẦN V – BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE ĐỐI VỚI HÀNG HÓA

Điều 22. Phạm vi bảo hiểm

Khi tai nạn xảy ra, Bảo hiểm AAA sẽ bồi thường cho Chủ xe những tổn thất đối với hàng hóa được vận chuyển trên xe theo Bộ luật Dân sự trong những trường hợp xe bị:

- Đâm va, lật, đổ, rơi, chìm, hỏa hoạn, cháy, nổ, bị các vật thể khác rơi, va chạm vào.
- Những tai nạn bất khả kháng do thiên nhiên: bão, lũ lụt, sụt lở, sét đánh, động đất, mưa đá, sóng thần.

Ngoài ra, Bảo hiểm AAA còn thanh toán cho Chủ xe các chi phí cần thiết, hợp lý nhằm:

- Ngăn ngừa, giảm nhẹ tổn thất thêm cho hàng hóa.
- Bảo quản, xếp dỡ, lưu kho, lưu bãi và chi phí chuyển tải hàng hóa trong quá trình vận chuyển do hậu quả của tai nạn.

Trong mọi trường hợp, số tiền bồi thường của Bảo hiểm AAA (bao gồm cả các chi phí) không vượt quá mức trách nhiệm được ghi trên HĐBH/GCNBH.

Điều 23. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với Bảo hiểm Trách nhiệm dân sự của Chủ xe đối với hàng hóa

Bảo hiểm AAA sẽ không chịu trách nhiệm thanh toán đối với:

- 23.1 Các điểm loại trừ chung tại Điều 10 Phần II của Quy tắc này.
- 23.2 Chủ xe và/hoặc Lái xe thiếu trách nhiệm trong việc trông coi, bảo quản hàng hóa.
- 23.3 Hàng hóa bị thiếu, mất cắp, trộm hoặc bị cướp trong tai nạn.
- 23.4 Hàng hóa bị hư hỏng do bản chất tự nhiên của hàng hóa; Hàng hóa sai thể loại, quy cách, sai ký mã hiệu.
- 23.5 Giao hàng chậm trễ và giao hàng không đúng người nhận; giao thiếu, không đúng chủng loại.
- 23.6 Hàng hóa bị cháy không do lỗi của bên vận tải.

- 23.7 Hàng hóa lưu thông trái phép; hàng hóa bị cơ quan chức năng Nhà nước thu giữ, bắt giữ.
- 23.8 Hàng hóa bị thiệt hại do xô lệch, va đập trong quá trình vận chuyển mà không phải do xe bị tai nạn đâm va, lật đổ, rơi.

Điều 24. Mức khấu trừ

Bảo hiểm AAA áp dụng mức khấu trừ là 0,5% mức trách nhiệm bảo hiểm và tối thiểu không thấp hơn 1.000.000 đồng/vụ tổn thất hoặc thỏa thuận bằng văn bản khác.

Điều 25. Giá trị hàng hóa

Giá trị hàng hoá được tính tại thời điểm, địa điểm trước khi đưa hàng lên xe và không vượt quá giá trị thực tế trên thị trường ở nơi đưa hàng lên xe tại thời điểm đó.

PHẦN VI – BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE Ô TÔ

Bảo hiểm AAA nhận bảo hiểm thêm phần vượt mức trách nhiệm bắt buộc trên cơ sở quy định về Bảo hiểm bắt buộc Trách nhiệm dân sự (TNDS) của chủ xe cơ giới do Chính phủ ban hành có hiệu lực tại thời điểm tham gia bảo hiểm.

Điều 26. Phạm vi bồi thường thiệt hại

Trong mức trách nhiệm đã ghi trên Hợp đồng bảo hiểm, Bảo hiểm AAA sẽ áp dụng quy tắc Bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe cơ giới để bồi thường cho Chủ xe phần trách nhiệm pháp lý phải bồi thường do lỗi của Chủ xe trong quá trình sử dụng xe ô tô gây thiệt hại, sau khi Bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe cơ giới đã được bồi thường.

Mỗi loại thiệt hại (sau khi khấu trừ chi phí bồi thường theo mức chi trả tại Bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe cơ giới) sẽ được bồi thường theo mức trách nhiệm tương ứng được quy định trên HĐBH/GCNBH.

Điều 27. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm

Khi xảy ra tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm, Bảo hiểm AAA sẽ bồi thường trên cơ sở thiệt hại thực tế và mức độ lỗi của Chủ xe theo các phương thức như sau:

27.1 Thiệt hại về người:

27.1.1 *Tử vong*: Căn cứ theo kết luận của các cơ quan chức năng hay phán quyết của Tòa án.

27.1.2 *Thương tật thân thể*: Bồi thường trên cơ sở các chi phí y tế cần thiết và hợp lý cho việc cứu chữa (có hóa đơn, chứng từ hợp lệ), chi phí điều dưỡng tại cơ sở có chức năng điều dưỡng hoặc chi phí định mức bồi dưỡng phục hồi sức khỏe và công chăm sóc người bị thiệt hại (trong vòng 180 ngày), hoặc Bảo hiểm AAA cũng có thể lựa chọn và thống nhất với Chủ xe phương thức bồi thường khoán trên cơ sở “Bảng Quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng” kèm theo Quy tắc Bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe cơ giới.

27.2 Thiệt hại tài sản:

Bồi thường trên cơ sở thiệt hại thực tế và theo mức độ lỗi của Chủ xe.

27.3 Các chi phí:

Chi phí cần thiết và hợp lý nhằm ngăn ngừa, hạn chế tổn thất, chi phí pháp lý liên quan tới vụ tai nạn với sự chấp thuận trước của Bảo hiểm AAA.

Tổng số tiền bồi thường và chi phí nêu trên không vượt quá Mức trách nhiệm bảo hiểm và/hoặc không vượt quá số tiền thực tế Chủ xe phải bồi thường cho nạn nhân hoặc theo hòa giải dân sự hoặc quyết định của Tòa án.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM AAA
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



Đoàn Trọng Cường

PHỤ LỤC 1
BẢNG TỶ LỆ KHẤU HAO BỘ PHẬN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 048.../2025/QĐ-AAA/XCG ngày 28/11.../2025
của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)

1. Số tiền khấu hao cho bộ phận hư hỏng phải thay thế (không bao gồm Pin điện động cơ) được xác định như sau:

a. Các loại xe (không bao gồm Taxi, Xe kinh doanh công nghệ, Xe thuê tự lái)

Thời gian sử dụng	Tỷ lệ khấu hao	
	Xe không kinh doanh	Xe kinh doanh
Đến 01 năm	0%	0%
Trên 01 đến 03 năm	0%	10%
Trên 03 đến 06 năm	15%	25%
Trên 06 đến 10 năm	25%	35%
Trên 10 đến 15 năm	35%	45%
Trên 15 năm	50%	60%

b. Xe Taxi, Xe kinh doanh công nghệ, Xe thuê tự lái

Thời gian sử dụng	Tỷ lệ khấu hao
Đến 01 năm	0%
Trên 01 đến 03 năm	15%
Trên 03 năm	Mức tính khấu hao tất cả các bộ phận bằng 1,5 lần so với các mức khấu hao của xe kinh doanh

2. Tỷ lệ khấu hao cho Pin động cơ phải thay thế được xác định như sau:

Thời gian sử dụng	Tỷ lệ khấu hao (theo thời gian sử dụng của Pin)	
	Xe không kinh doanh	Xe kinh doanh
Đến 01 năm	0%	10%
Trên 01 năm đến 3 năm	10%	30%
Trên 03 năm đến 6 năm	30%	40%
Trên 06 năm đến 10 năm	40%	50%

3. Quy định khác:

- Các bộ phận như: Săm lốp, ắc quy, bạt phủ (thùng xe tải) hoặc những bộ phận thay thế theo định kỳ như: Gioăng, phớt, lọc gió, lọc dầu, lọc xăng, vòng bi, dầu nhớt các loại... phải tính phần trăm giá trị đã sử dụng nhưng tối đa không quá 50%.
- Các bộ phận như kính chắn gió không áp dụng khấu hao giá trị bộ phận thay mới.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM AAA
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



Đoàn Trọng Cường

PHỤ LỤC 2
BẢNG TỶ LỆ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM THƯƠNG TẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 048/2025/QĐ-AAA/XCG ngày 28/11./2025
của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)

I.	THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VĨNH VIỄN	
1.	Mù hoặc mất hoàn toàn hai mắt	100%
2.	Rối loạn tâm thần hoàn toàn không thể chữa được	100%
3.	Hông toàn bộ chức năng nhai và nói	100%
4.	Mất hoặc liệt hoàn toàn 2 tay (từ vai hoặc khuỷu xuống) Mất hoặc liệt hoàn toàn 2 chân (từ háng hoặc đầu gối xuống)	100%
5.	Mất cả 2 bàn tay hoặc 2 bàn chân hoặc mất 1 cánh tay và 1 bàn chân hoặc mất 1 cánh tay và 1 cẳng chân hoặc mất 1 bàn tay và 1 cẳng chân hoặc mất 1 bàn tay và 1 bàn chân	100%
6.	Cắt toàn bộ 1 bên phổi và 1 phần phổi bên kia	100%
7.	Mất hoàn toàn khả năng lao động mà không thể làm bất cứ việc gì (toàn bộ bị tê liệt, bị thương dẫn đến tình trạng nằm liệt giường hoặc dẫn đến tàn tật toàn bộ vĩnh viễn)	100%
II.	THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN	
A.	CHI TRÊN	
	THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN	
8.	Mất 1 cánh tay từ vai xuống (tháo khớp vai)	75%
9.	Cắt cụt cánh tay từ dưới vai xuống	70%
10.	Cắt cụt 1 cánh tay từ khuỷu xuống (tháo khớp khuỷu)	65%
11.	Mất trọn 1 bàn tay hoặc cả 5 ngón tay	60%
12.	Mất 4 ngón tay (trừ ngón cái)	40%
13.	Mất ngón cái và ngón trỏ	35%
14.	Mất 3 ngón 3-4-5	30%
15.	Mất ngón cái và 2 ngón khác	35%
16.	Mất ngón cái và 1 ngón khác	30%
17.	Mất ngón trỏ và 2 ngón khác	35%
18.	Mất ngón trỏ và 1 ngón giữa	30%
19.	Mất ngón cái và đốt bàn	25%
	Mất một ngón cái	20%
	Mất cả đốt ngoài	10%
	Mất ½ đốt ngoài	7%
20.	Mất ngón trỏ và đốt bàn	20%
	Mất một ngón trỏ	18%
	Mất 2 đốt 2 và 3	8%

	Mất đốt 3	4%
21.	Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn (cả đốt bàn)	18%
	Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn	15%
	Mất 2 đốt 2 và 3	8%
	Mất đốt 3	4%
22.	Mất cả ngón út và đốt bàn	15%
	Mất cả ngón út	10%
	Mất 2 đốt 2 và 3	8%
	Mất đốt 3	4%
23.	Cứng khớp bả vai	25%
24.	Cứng khớp khuỷu tay	25%
25.	Cứng khớp cổ tay	25%
THƯƠNG TẬT TẠM THỜI		
26.	Gãy tay can lệch hoặc mất xương làm chi ngắn trên 3 cm và chức năng quay sấp ngửa hạn chế hoặc tạo thành khớp giả	25%
27.	Gãy xương cánh tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	15%
28.	Gãy xương cánh tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	25%
29.	Gãy xương cánh tay, không phẫu thuật, can xấu, teo cơ	25%
30.	Gãy xương cánh tay, có phẫu thuật, can xấu, teo cơ	30%
31.	Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	15%
32.	Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu can xấu, hạn chế cử động khớp vai	30%
33.	Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	25%
34.	Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động khớp vai	40%
35.	Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	12%
36.	Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	18%
37.	Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa	20%
38.	Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa	25%
39.	Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, di chứng khớp giả 1 xương	15%
40.	Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, di chứng khớp giả 1 xương	25%
41.	Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, di chứng khớp giả 2 xương	25%
42.	Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, di chứng khớp giả 2 xương	35%
43.	Gãy 1 xương quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	10%
44.	Gãy 1 xương quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	15%
45.	Gãy 1 xương quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa	15%
46.	Gãy 1 xương quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa	20%
47.	Gãy đầu dưới xương quay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	10%
48.	Gãy đầu dưới xương quay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	14%
49.	Gãy đầu dưới xương quay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay	15%
50.	Gãy đầu dưới xương quay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay	18%
51.	Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	8%

52.	Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	12%
53.	Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay	12%
54.	Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay	15%
55.	Gãy xương cổ tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	10%
56.	Gãy xương cổ tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	15%
57.	Gãy xương cổ tay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay	15%
58.	Gãy xương cổ tay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay	18%
59.	Gãy xương đòn, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	8%
60.	Gãy xương đòn, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	12%
61.	Gãy xương đòn không phẫu thuật, can gỗ, cứng vai	18%
62.	Gãy xương đòn, có phẫu thuật, can gỗ, cứng vai	25%
63.	Gãy xương đòn, không phẫu thuật, có chèn ép thần kinh mũ vai	30%
64.	Gãy xương đòn, có phẫu thuật, có chèn ép thần kinh mũ vai	35%
65.	Gãy xương bả vai, gãy vỡ, khuyết phần thân xương, không phẫu thuật	10%
66.	Gãy xương bả vai, gãy vỡ, khuyết phần thân xương, có phẫu thuật	15%
67.	Gãy xương bả vai, gãy vỡ ngành ngang, không phẫu thuật	17%
68.	Gãy xương bả vai, gãy vỡ ngành ngang, có phẫu thuật	22%
69.	Gãy xương bả vai, gãy vỡ phần khớp vai, không phẫu thuật	30%
70.	Gãy xương bả vai, gãy vỡ phần khớp vai, có phẫu thuật	70%
71.	Gãy xương đốt bàn (tùy mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tăng thêm tương ứng 2%)	8-15%
72.	Gãy xương ngón tay (tùy mức độ từ 1 đến nhiều ngón, mỗi ngón tăng thêm tương ứng 1%)	3-12%
B.	CHI DƯỚI	
THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN		
73.	Mất 1 chân từ háng xuống (tháo khớp háng 1 đùi)	75%
74.	Cắt cụt 1 đùi	
	1/3 trên	70%
	1/3 giữa hoặc dưới	55%
75.	Cắt cụt 1 chân từ gối xuống (tháo khớp gối)	60%
76.	Tháo khớp cổ chân hoặc mất 1 bàn chân	55%
77.	Mất xương sên	35%
78.	Mất xương gót	35%
79.	Mất đoạn xương chày, mất gậy khớp giả cẳng chân	35%
80.	Mất đoạn xương mác	20%
81.	Mất mắt cá chân	
	Mất cá ngoài	10%
	Mất cá trong	15%
82.	Mất 4 ngón trừ ngón cái	45%
83.	Mất cả 5 ngón chân	38%
84.	Mất 4 ngón cả ngón cái	35%
85.	Mất 3 ngón 3-4-5	25%

86.	Mất 3 ngón 1-2-3	30%
87.	Mất 1 ngón cái và ngón 2	20%
88.	Mất 1 ngón cái	15%
89.	Mất 1 ngón ngoài ngón cái	10%
90.	Mất 1 đốt ngón cái	8%
91.	Cứng khớp háng	45%
92.	Cứng khớp gối	30%
93.	Mất phần lớn xương bánh chè và giới hạn nhiều khả năng duỗi cẳng chân trên đùi	45%
94.	Gãy chân can lệch hoặc mất xương làm ngắn chi ít nhất 5 cm	40%
	Từ 3 - 5 cm	35%
95.	Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo ngoài	35%
96.	Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo trong	25%
THƯƠNG TẬT TẠM THỜI		
97.	Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	20%
98.	Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	30%
99.	Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, có phẫu thuật, trục lệch, chân dạng, khép, teo cơ	30%
100.	Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, có phẫu thuật, trục lệch, chân dạng, khép, teo cơ	40%
101.	Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	25%
102.	Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	35%
103.	Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ	35%
104.	Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ	45%
105.	Gãy cổ xương đùi, không phẫu thuật, di chứng khớp giả cổ xương đùi	45%
106.	Gãy cổ xương đùi, có phẫu thuật, di chứng khớp giả cổ xương đùi	55%
107.	Gãy 2 xương cẳng chân, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	20%
108.	Gãy 2 xương cẳng chân, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	25%
109.	Gãy 2 xương cẳng chân, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo	25%
110.	Gãy 2 xương cẳng chân, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo	30%
111.	Gãy xương chày, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	15%
112.	Gãy xương chày, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	18%
113.	Gãy xương chày, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo	18%
114.	Gãy xương chày, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo	22%
115.	Gãy đoạn mâm chày, không phẫu thuật	15%
116.	Gãy đoạn mâm chày, có phẫu thuật	25%
117.	Gãy xương mác, không phẫu thuật	10%
118.	Gãy xương mác, có phẫu thuật	20%
119.	Đứt gân bánh chè, cơ năng khớp gối tốt	15%
120.	Đứt gân bánh chè, hạn chế cơ năng khớp gối	25%
121.	Gãy xương bánh chè, không phẫu thuật	10%
122.	Gãy xương bánh chè, có phẫu thuật	20%
123.	Gãy xương bánh chè không phẫu thuật, bị cứng khớp gối hoặc teo cơ tứ đầu	25%

124.	Gãy xương bánh chè có phẫu thuật, bị cứng khớp gối hoặc teo cơ tứ đầu	30%
125.	Đứt gân Achilles, cơ năng vùng gót chân tốt	15%
126.	Đứt gân Achilles, cơ năng vùng gót chân bị hạn chế	20%
127.	Gãy xương gót, không phẫu thuật	15%
128.	Gãy xương gót, có phẫu thuật	20%
129.	Gãy xương đốt bàn (tùy theo mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tăng tương ứng 2%)	7-15%
130.	Gãy xương ngón chân (tùy mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tương ứng 2%)	4-12%
131.	Gãy ngành ngang xương mu, không dập niệu đạo	25%
132.	Gãy ngành ngang xương mu, có dập niệu đạo	32%
133.	Gãy ụ ngồi	25%
134.	Gãy cánh xương chậu 1 bên, không phẫu thuật	20%
135.	Gãy cánh xương chậu 1 bên, có phẫu thuật	30%
136.	Gãy xương chậu 2 bên, liền xương tốt, không méo xương chậu	40%
137.	Gãy xương chậu 2 bên, méo xương chậu ảnh hưởng đến sinh đẻ	55%
138.	Gãy xương cùng, không phẫu thuật, không rối loạn cơ tròn	10%
139.	Gãy xương cùng, có phẫu thuật, không rối loạn cơ tròn	15%
140.	Gãy xương cùng, không phẫu thuật, có rối loạn cơ tròn	25%
141.	Gãy xương cùng, có phẫu thuật, có rối loạn cơ tròn	35%
C. CỘT SỐNG		
THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN		
142.	Cắt bỏ cung sau của 1 đốt sống	35%
143.	Cắt bỏ cung sau của 2-3 đốt sống trở lên	45%
THƯƠNG TẬT TẠM THỜI		
144.	Gãy xẹp thân 1 đốt sống, không phẫu thuật, không liệt tủy	30%
145.	Gãy xẹp thân 1 đốt sống, có phẫu thuật, không liệt tủy	40%
146.	Gãy xẹp thân 2 đốt sống trở lên, không phẫu thuật, không liệt tủy	45%
147.	Gãy xẹp thân 2 đốt sống trở lên, có phẫu thuật, không liệt tủy	55%
148.	Gãy vỡ mòm gai hoặc mòm bên của 1 đốt sống, không phẫu thuật	10%
149.	Gãy vỡ mòm gai hoặc mòm bên của 1 đốt sống, có phẫu thuật	17%
150.	Gãy vỡ mòm gai hoặc mòm bên của 2 - 3 đốt sống, không phẫu thuật	25%
151.	Gãy vỡ mòm gai hoặc mòm bên của 2 - 3 đốt sống, có phẫu thuật	45%
D. SỌ NÃO		
THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN		
152.	Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính dưới 6 cm	25%
153.	Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính từ 6 đến 10 cm	40%
154.	Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính trên 10 cm	50%
155.	Rối loạn ngôn ngữ do ảnh hưởng của vết thương đại não:	30%
	Nói ngọng, nói lắp, nói khó khăn ảnh hưởng đến giao tiếp	60%
	Không nói được (câm) do tổn hại vùng Broca	55%

	Mất khả năng giao dịch bằng chữ viết (mất nhận biết về ngôn ngữ do tổn hại vùng Wernicke)	
THƯƠNG TẬT TẠM THỜI		
156.	Lột da đầu toàn bộ (1 phần theo tỷ lệ)	45%
157.	Vết thương sọ não hở, xương bị nứt rạn	40%
158.	Vết thương sọ não hở, lún xương sọ	30%
159.	Vết thương sọ não hở, nhiều mảnh xương đi sâu vào não	50%
160.	Chấn thương sọ não kín, gãy xương vòm sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương), không phẫu thuật	20%
161.	Chấn thương sọ não kín, gãy xương vòm sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương), có phẫu thuật	30%
162.	Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ không liệt dây thần kinh ở nền sọ, không phẫu thuật	30%
163.	Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ không liệt dây thần kinh ở nền sọ, có phẫu thuật	40%
164.	Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ có liệt dây thần kinh ở nền sọ, không phẫu thuật	40%
165.	Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ có liệt dây thần kinh ở nền sọ, có điều trị phẫu thuật	50%
166.	Chấn thương sọ não gây chấn động não	8%
167.	Chấn thương sọ não gây phù não	40%
168.	Chấn thương sọ não gây giập não, dẹt não	50%
169.	Chấn thương sọ não gây chảy máu khoang dưới nhện	40%
170.	Chấn thương sọ não gây máu tụ trong sọ (ngoài màng cứng, trong màng cứng, trong não)	30%
E. LỒNG NGỰC		
THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN		
171.	Cắt bỏ 1 - 2 xương sườn	15%
172.	Cắt bỏ 3 xương sườn (cắt bỏ trên 03 xương sườn, mỗi xương sườn tăng thêm 3%)	25-35%
173.	Cắt bỏ đoạn mỗi xương sườn (mỗi đoạn xương sườn cắt bỏ thêm, tăng 2%)	8-10%
174.	Cắt toàn bộ 1 bên phổi	70%
175.	Cắt nhiều thùy phổi ở 2 bên, dung tích sống giảm trên 50%	65%
176.	Cắt nhiều thùy phổi ở 1 bên	50%
177.	Cắt 1 thùy phổi	35%
THƯƠNG TẬT TẠM THỜI		
178.	Gãy 1 - 2 xương sườn, không phẫu thuật	7%
179.	Gãy 1 - 2 xương sườn, có phẫu thuật	12%
180.	Gãy 3 xương sườn trở lên, không phẫu thuật	15%
181.	Gãy 3 xương sườn trở lên, có phẫu thuật	25%
182.	Gãy xương ức đơn thuần, không phẫu thuật (chức năng tim và hô hấp bình thường)	15%
183.	Gãy xương ức đơn thuần, có phẫu thuật (chức năng tim và hô hấp bình thường)	20%

184.	Mẻ hoặc rạn nứt xương ức	10%
185.	Tràn dịch, khí, máu màng phổi (chỉ chọc hút đơn thuần)	5%
186.	Tràn khí, máu màng phổi (phải dẫn lưu, mổ cầm máu)	20%
187.	Tổn thương các van tim, vách tim do chấn thương (chưa suy tim)	50%
188.	Khâu màng ngoài tim, phẫu thuật kết quả hạn chế	60%
189.	Khâu màng ngoài tim, phẫu thuật kết quả tốt	35%
F.	BỤNG	
THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN		
190.	Cắt toàn bộ dạ dày	75%
191.	Cắt đoạn dạ dày	50%
192.	Cắt gần hết ruột non (còn lại dưới 1 m)	75%
193.	Cắt đoạn ruột non	40%
194.	Cắt toàn bộ đại tràng	75%
195.	Cắt đoạn đại tràng	50%
196.	Cắt bỏ gan phải đơn thuần	70%
197.	Cắt bỏ gan trái đơn thuần	60%
198.	Cắt 1/2 của một thùy gan	60%
199.	Cắt 1/3 của một thùy gan	40%
200.	Cắt dưới 1/3 của một thùy gan	30%
201.	Cắt bỏ túi mật	45%
202.	Cắt bỏ lá lách	40%
203.	Cắt bỏ đuôi tụy, lách	60%
THƯƠNG TẬT TẠM THỜI		
204.	Khâu lỗ thủng dạ dày	25%
205.	Khâu lỗ thủng ruột non (tùy theo 1 hay nhiều lỗ thủng)	30%
206.	Khâu lỗ thủng đại tràng (tùy theo 1 hay nhiều lỗ thủng)	30%
207.	Đụng dập gan, khâu gan	35%
208.	Khâu vỏ lá lách	25%
209.	Khâu tụy	30%
G.	CƠ QUAN TIẾT NIỆU, SINH DỤC	
THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN		
210.	Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bình thường	50%
211.	Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bị tổn thương hoặc bệnh lý	70%
212.	Cắt 1 phần thận trái hoặc phải	30%
213.	Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người dưới 55 tuổi chưa con	70%
214.	Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người dưới 55 tuổi đã có con rồi	55%
215.	Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người trên 55 tuổi	35%
216.	Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người dưới 45 tuổi chưa con	60%
217.	Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người dưới 45 tuổi đã có con	30%
218.	Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người trên 45 tuổi	25%

219.	Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi 1 bên	25%
220.	Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi 2 bên	50%
221.	Cắt vú ở nữ trên 45 tuổi 1 bên	20%
222.	Cắt vú ở nữ trên 45 tuổi 2 bên	40%
223.	Cắt 1 phần bàng quang	30%
THƯƠNG TẬT TẠM THỜI		
224.	Chấn thương thận nhẹ (không phải xử lý đặc hiệu, theo dõi dưới 5 ngày)	5%
225.	Chấn thương thận trung bình (phải dùng thuốc đặc trị, theo dõi trên 5 ngày)	10%
226.	Chấn thương thận nặng (có đưng dập, phải can thiệp ngoại khoa)	47%
227.	Mổ thông bàng quang vĩnh viễn	70%
228.	Khâu lỗ thủng bàng quang (một hay nhiều lỗ thủng)	30%
H.	MẮT	
THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN		
229.	Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt, không lắp được mắt giả	55%
230.	Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt, lắp được mắt giả	50%
231.	Một mắt thị lực còn đến 1/10	30%
232.	Một mắt thị lực còn từ 2/10 đến 4/10	12%
233.	Một mắt thị lực còn từ 5/10 đến 7/10	7%
234.	Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt nhưng trước khi xảy ra tai nạn này đã mất hoặc mù 1 mắt	80%
I.	TAI – MŨI – HỌNG	
THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN		
235.	Điếc 2 tai hoàn toàn không phục hồi được	75%
236.	Điếc 2 tai nặng (nói to hoặc thét vào tai còn nghe)	60%
237.	Điếc 2 tai vừa (nói to 1 - 2 m còn nghe)	35%
238.	Điếc 2 tai nhẹ (nói to 2 - 4 m còn nghe)	15%
239.	Điếc 1 tai hoàn toàn không phục hồi được	30%
240.	Điếc 1 tai mức độ vừa	15%
241.	Điếc 1 tai mức độ nhẹ	8%
242.	Mất vành tai 2 bên	30%
243.	Mất vành tai 1 bên	15%
244.	Sẹo rúm vành tai, chít hẹp ống tai	20%
245.	Mất mũi hoàn toàn	40%
THƯƠNG TẬT TẠM THỜI		
246.	Biến dạng mũi	18%
247.	Vết thương họng sẹo hẹp ảnh hưởng đến nuốt	20%
J.	RĂNG – HÀM – MẶT	
THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN		
248.	Mất toàn bộ xương hàm trên và một phần xương hàm dưới từ cạnh cao trở xuống khác bên	80%

249.	Mất toàn bộ xương hàm trên và một phần xương hàm dưới từ cạnh cao trở xuống cùng bên	70%
250.	Mất toàn bộ xương hàm trên hoặc dưới	70%
251.	Mất 1 phần xương hàm trên hoặc 1 phần xương hàm dưới từ cạnh cao trở xuống	35%
252.	Khớp hàm giả do không liền xương hay khuyết xương	20%
253.	Mất răng trên 8 cái không lắp được răng giả	30%
254.	Mất răng trên 8 cái lắp được răng giả	20%
255.	Mất từ 5 đến 7 răng	15%
256.	Mất từ 3 đến 4 răng	8%
257.	Mất từ 1 đến 2 răng	3%
258.	Mất $\frac{3}{4}$ lưỡi còn gốc lưỡi (từ đường gai V trở ra)	75%
259.	Mất $\frac{2}{3}$ lưỡi từ đầu lưỡi	50%
260.	Mất $\frac{1}{3}$ lưỡi ảnh hưởng đến phát âm	15%
261.	Mất 1 phần nhỏ lưỡi (dưới $\frac{1}{3}$) ảnh hưởng đến phát âm	10%
THƯƠNG TẬT TẠM THỜI		
262.	Gãy xương hàm trên và hàm dưới, không phẫu thuật, cơ năng các khớp tốt	15%
263.	Gãy xương hàm trên và hàm dưới, có phẫu thuật, cơ năng các khớp tốt	20%
264.	Gãy xương hàm trên và hàm dưới, di chứng can xấu gây sai khớp cắn nhai, ăn khó	30%
265.	Gãy xương hàm trên và hàm dưới, phẫu thuật, di chứng can xấu gây sai khớp nhai, ăn khó	30%
266.	Gãy xương gò má, cung tiếp xương hàm trên hoặc xương hàm dưới gây rối loạn nhẹ khớp cắn và chức năng nhai	15%
K. VẾT THƯƠNG PHẦN MỀM – BÔNG		
THƯƠNG TẬT TẠM THỜI		
267.	Vết thương phần mềm (VTPM) bao gồm rách da, rách niêm mạc, bong gân, sai khớp không ảnh hưởng tới cơ năng (tùy theo mức độ nặng, nhẹ, nhiều, ít) chiều dài: Từ 2 cm - 4 cm Từ 4 cm - 7 cm Từ 7 cm - 10 cm Từ 10 cm - 15 cm Trên 15 cm	2% 3% 4% 5% 7%
268.	Vết thương phần mềm là các tổn thương dập nát, không để lại di chứng, diện tích: Dưới 9 cm ² Từ 9 cm ² đến 12 cm ² Từ 12 cm ² đến 16 cm ² Từ 16 cm ² đến 24 cm ² Từ 24 cm ² đến 30 cm ² Từ 30 cm ² đến 35 cm ² Trên 35 cm ² (Nếu các vết thương trên do súc vật gây ra thì cộng thêm 1% vào tỷ lệ ở trên)	2% 3% 4% 6% 8% 10% 12%
269.	VTPM gây bong gân khớp cổ chân, khớp gối, khớp háng, khớp cổ tay, khớp khuỷu, khớp vai	4%

270.	VTPM gây trật khớp ở các khớp bàn ngón tay và bàn ngón chân	2%
271.	VTPM gây trật khớp ở cổ chân, khớp gối, khớp háng, khớp cổ tay, khớp khuỷu, khớp vai	7%
272.	VTPM như nêu trong các mục 267, 268 để lại di chứng đau, rát, tê, co, kéo lâu dài sau khi liền vết thương.	Cộng thêm 5% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên
273.	VTPM như nêu trong các mục 267, 268 ảnh hưởng đến mạch máu lớn, thần kinh.	Cộng thêm 10% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên
274.	VTPM như nêu trong các mục 267, 268 nhưng là vết thương ở ngực, bụng để lại di chứng ảnh hưởng đến hô hấp.	Cộng thêm 20% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên
275.	VTPM như nêu trong các mục 267, 268 để lại di chứng sẹo cơ cứng làm biến dạng mặt gây trở ngại đến ăn, nhai và cử động cổ.	Cộng thêm 30% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên
276.	VTPM như nêu trong các mục 266, 267 để lại khuyết hồng lớn ở chung quanh hốc miệng, ảnh hưởng nhiều đến ăn uống	Cộng thêm 35% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên
277.	Mất 1 phần hàm ếch làm thông giữa mũi và miệng	20%
278.	Bong nông (độ I, độ II) diện tích dưới 5%	5%
	Diện tích từ 5 - 15%	10%
	Diện tích trên 15%	15%
279.	Bong sâu (độ III, độ IV) diện tích dưới 5%	20%
	Diện tích từ 5 - 15%	35%
	Diện tích trên 15%	60%

NGUYÊN TẮC TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

Việc trả tiền bảo hiểm theo bảng này tuân theo những nguyên tắc sau đây:

1. Mất hẳn chức năng của từng bộ phận hoặc hồng vĩnh viễn chỉ được coi như mất từng bộ phận đó hoặc mất chi.
2. Những trường hợp thương tật không liệt kê trong bảng sẽ được bồi thường theo tỷ lệ trên cơ sở so sánh tính nghiêm trọng của nó với những trường hợp khác có trong bảng.
3. Vết thương điều trị bình thường, vết thương không bị nhiễm trùng sẽ được trả tiền bảo hiểm tương ứng với mức thấp nhất của thang tỷ lệ trả tiền bảo hiểm quy định cho các trường hợp này.
4. Vết thương điều trị phức tạp, vết thương bị nhiễm trùng hoặc sau khi điều trị còn để lại di chứng, thì tùy theo mức độ nặng, nhẹ được trả cao dần cho tới mức tối đa của thang tỷ lệ trả tiền bảo hiểm quy định cho các trường hợp này.
5. Trường hợp đa vết thương được trả tiền bảo hiểm cho từng vết thương nhưng tổng số tiền trả cho Người được bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm. Trường hợp đa vết thương ở cùng một

chi, tổng số tiền trả cho các vết thương không vượt quá tỷ lệ mất chi đó.

6. Những trường hợp phải mổ lại, đập can xương làm lại được trả thêm 50% mức tối thiểu của thang tỷ lệ trả cho trường hợp đó nhưng tổng số tiền chi trả không vượt quá số tiền bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM AAA

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



Đoàn Trọng Cường

